

BẢN SAO

M.S.C.A.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐÔ THỊ HƯNG YÊN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016
(BÁO CÁO RIÊNG)

PHÒNG QUANG

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN
Số 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung, thành phố Hưng Yên
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	02 - 03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08 - 15

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Tiến Dũng	Chủ tịch Công ty
Ông Trương Quốc Trân	Giám đốc
Ông Vũ Đức Minh	Phó Giám đốc
Ông Trần Công Đức	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

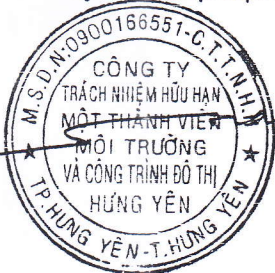
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



TRƯƠNG QUỐC TRÂN
Giám đốc

Hưng Yên, ngày 27 tháng 02 năm 2017



SỐ: 151/VACÒ/BCKT.HP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 02 năm 2017, từ trang 04 đến trang 15, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa ghi nhận thuế GTGT đầu ra 10% phải nộp của doanh thu dịch vụ "Vệ sinh công cộng" theo quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 trong năm 2014, 2015 và năm 2016 lần lượt là 979.056.200 đồng, 1.193.312.400 đồng và 1.518.241.900 đồng. Nếu ghi nhận đúng theo quy định, số dư khoản mục thuế GTGT phải nộp và số dư khoản mục phải thu sẽ tăng lên một lượng là 3.690.610.599 đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng nêu tại phần "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Hồng Hiền
Giám đốc chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1117-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VACO TẠI HẢI PHÒNG**

Ngày 27 tháng 02 năm 2017
Tp. Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Lương Thị Thúy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1143-2013-156-1

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN

Số 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung,
Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên,
CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.632.406.238	10.930.407.389
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.673.837.653	1.226.199.533
1. Tiền	111	5	7.673.837.653	1.226.199.533
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.835.472.785	9.471.876.796
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.594.869.621	4.883.665.625
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		39.000.000	30.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	11.201.603.164	4.558.211.171
III. Hàng tồn kho	140	8	122.432.500	230.131.060
1. Hàng tồn kho	141		122.432.500	230.131.060
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		663.300	2.200.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	2.200.000
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		663.300	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		97.153.316.444	101.297.697.216
I. Tài sản cố định	220		96.535.390.438	100.542.451.101
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	96.535.390.438	100.542.451.101
- Nguyên giá	222		320.178.414.364	295.999.272.979
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(223.643.023.926)	(195.456.821.878)
II. Tài sản dài hạn khác	260		617.926.006	755.246.115
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		617.926.006	755.246.115
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		121.785.722.682	112.228.104.605

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN

Số 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung,
Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên,
CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

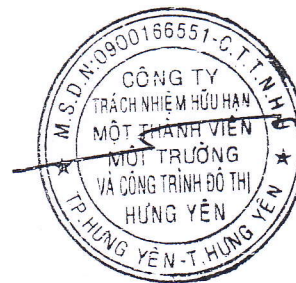
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		12.864.226.346	3.177.264.665
I. Nợ ngắn hạn	310		12.864.226.346	3.177.264.665
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		8.840.423.586	2.058.743.146
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		200.336.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	283.879.541	362.624.161
4. Phải trả người lao động	314		3.412.175.693	591.001.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		82.537.923	120.022.755
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		44.873.603	44.873.603
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		108.921.496.336	109.950.839.940
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	28.591.440.706	36.198.708.934
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		28.378.472.353	36.043.248.568
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.470.942	4.470.942
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		208.497.411	150.989.424
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		80.330.055.630	72.852.131.006
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		80.330.055.630	72.852.131.006
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		121.785.722.682	112.228.104.605

Phạm Thị Vân Anh

Phạm Thị Vân Anh
Kế toán trưởng

Hưng Yên, ngày 27 tháng 02 năm 2017



Trương Quốc Trân
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN
Số 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung,
Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên,
CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

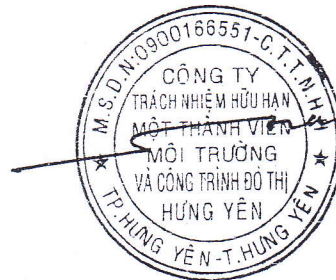
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		53.176.872.851	45.570.455.887
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		53.176.872.851	45.570.455.887
3. Giá vốn hàng bán	11		45.050.495.397	36.627.581.071
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		8.126.377.454	8.942.874.816
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	12	64.323.826	34.632.389
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	13	10.047.885.310	9.757.724.104
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21) - (26)}	30		(1.857.184.030)	(780.216.899)
8. Thu nhập khác	31	14	1.964.059.250	934.852.700
9. Chi phí khác	32		27.992.189	106.603.606
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.936.067.061	828.249.094
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		78.883.031	48.032.195
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	15	21.375.044	34.019.876
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		57.507.987	14.012.319

Phạm Thị Vân Anh
Kế toán trưởng

Hưng Yên, ngày 27 tháng 02 năm 2017



Trương Quốc Trân
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	49.311.804.228	41.439.354.484
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(17.492.955.046)	(14.061.219.649)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(21.224.035.428)	(22.751.653.309)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(50.961.898)	(17.132.371)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	20.446.745.423	412.794.000
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.021.542.562)	(4.831.152.246)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	26.969.054.717	190.990.909
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(20.585.740.423)	(8.290.562.170)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	64.323.826	34.632.389
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(20.521.416.597)	(8.255.929.781)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	4.962.143.215
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	4.962.143.215
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	6.447.638.120	(3.102.795.657)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.226.199.533	4.328.995.190
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	7.673.837.653	1.226.199.533

[Handwritten signature]



Phạm Thị Vân Anh
 Kế toán trưởng

Trương Quốc Trân
 Giám đốc

Hưng Yên, ngày 27 tháng 02 năm 2017.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUNG YÊN
Số 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung,
Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên,
CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình Đô thị Hưng Yên tiền thân là Công ty Thị chính Hưng Yên được thành lập theo Quyết định số 1407/1998/QĐ-UB ngày 01 tháng 08 năm 1998 của UBND tỉnh Hưng Yên được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị Hưng Yên theo Quyết định số 512/QĐ – UBND ngày 04 tháng 04 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH Một thành viên số 0900166551 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 02 tháng 08 năm 2012. Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 23/04/2015.

Vốn điều lệ của Công ty là 158.870.000.000 VNĐ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 332 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 325 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Các dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan bao gồm quản lý và làm vệ sinh môi trường; Quản lý, chăm sóc duy trì vườn hoa, công viên cây xanh;
- Sửa chữa thiết bị điện bao gồm quản lý, sửa chữa và khai thác hệ thống điện chiếu sáng công cộng đô thị;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa bao gồm kinh doanh nuôi trồng thủy sản tại các hồ nước trong công viên địa bàn thành phố Hưng Yên;
- Các hoạt động của trụ sở văn phòng bao gồm Quản lý nhà thuộc sở hữu Nhà nước và thu tiền cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước nộp Ngân sách nhà nước theo quy định;
- Hoàn thiện công trình xây dựng bao gồm sửa chữa nhà thuộc sở hữu Nhà nước khi bị xuống cấp, hư hỏng;
- Hoạt động dịch vụ tang lễ bao gồm quản lý nghĩa trang nhân dân, phục vụ việc tang lễ và cất táng; quản lý, làm vệ sinh môi trường; quản lý chăm sóc, duy trì vườn hoa, cây xanh và phục vụ tang lễ ngoài thành phố Hưng Yên;
- Dịch vụ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN

Số 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung,

Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên,

CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Số năm khấu hao

Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 06
Tài sản khác	08 – 10

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN

Số 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung,
 Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên,
 CHXHCN Việt Nam

MÃ SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	701.868.848	408.883.915
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.971.968.805	817.315.618
Cộng	7.673.837.653	1.226.199.533

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN
 Số 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung,
 Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên,
 CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN
 Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	5.594.869.621	4.883.665.625
Phòng Quản lý đô thị Thành phố Hưng Yên	3.622.101.820	3.022.840.748
Văn phòng Thành ủy Hưng Yên	785.256.000	587.179.000
Đối tượng khác	1.187.511.801	1.273.645.877
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	5.594.869.621	4.883.665.625

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
11.201.603.164	11.201.603.164	4.558.211.171
BHXH tạm chi chờ quyết toán	90.653.200	25.998.171
Tạm ứng của nhân viên	7.274.141.000	4.485.000.000
Khoản phải thu về nguồn XDCB chờ được cấp (*)	3.732.395.962	-
Phải thu Bà Cao Thị Nga phí vệ sinh	17.213.000	47.213.000
Dư Nợ TK 3388 - phải thu khác	87.200.002	-
b) Phải thu dài hạn khác	-	-
Cộng	11.201.603.164	4.558.211.171

(*) Trong năm 2016, Công ty đã hoàn thành và kết chuyển tăng một số tài sản cố định từ nguồn vốn ngân sách cấp, tuy nhiên các công trình này chưa được cấp tiền về tài khoản Công ty, chi tiết như sau:

Công trình	Số vốn chờ cấp
	VND
Công trình lắp đặt đèn TT một số tuyến đường TP	1.463.898.000
Công trình điện chiếu sáng các xã	666.069.772
Công trình cải tạo Hồ Bán Nguyệt	343.001.190
Công trình xây dựng kè đảo Công viên Nam Hòa	1.120.432.000
Công trình cổng chào cửa ngõ phía Bắc	138.995.000
Cộng	3.732.395.962

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	837.500	87.431.060
Công cụ, dụng cụ	121.595.000	142.700.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	122.432.500	230.131.060
Dư phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN

Số 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung,
Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên,
CHXHCN Việt Nam

MÃ SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	191.604.493.287	63.765.315.496	18.666.090.789	446.837.400	21.516.626.007	295.999.272.979
Mua trong năm	-	7.583.898.000	-	-	16.595.243.385	24.179.141.385
Số dư cuối năm	191.604.493.287	71.349.213.496	18.666.090.789	446.837.400	38.111.869.392	320.178.414.364
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	134.963.513.779	36.456.155.647	11.126.264.843	181.146.408	12.729.741.201	195.456.821.878
Khấu hao trong năm	17.921.082.758	5.503.819.233	2.359.113.648	89.321.100	2.312.865.309	28.186.202.048
Số dư cuối năm	152.884.596.537	41.959.974.880	13.485.378.491	270.467.508	15.042.606.510	223.643.023.926
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	56.640.979.508	27.309.159.849	7.539.735.946	265.690.992	8.786.884.806	100.542.451.101
Số dư cuối năm	38.719.896.750	29.389.238.616	5.180.622.298	176.369.892	23.069.262.882	96.535.390.438

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	262.504.497	789.120.426	813.844.914	287.228.985
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.375.044	21.375.044	34.019.876	34.019.876
Các khoản phí và lệ phí	-	-	41.375.300	41.375.300
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	283.879.541	810.495.470	889.240.090	362.624.161

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	24.997.305.353	6.083.800.000	4.470.942	150.989.424	31.236.565.719
Tăng vốn trong năm	11.045.943.215	762.143.215	-	-	11.808.086.430
Chuyển nguồn vốn	-	(6.845.943.215)	-	-	(6.845.943.215)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	14.012.319	14.012.319
Trích lập các quỹ	-	-	-	(14.012.319)	(14.012.319)
Số dư đầu năm nay	36.043.248.568	-	4.470.942	150.989.424	36.198.708.934
Điều chỉnh nguồn vốn (*)	(7.664.776.215)	-	-	-	(7.664.776.215)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	57.507.987	57.507.987
Số dư cuối năm nay	28.378.472.353	-	4.470.942	208.497.411	28.591.440.706

(*) Điều chỉnh lại Nguồn vốn kinh doanh sang Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định của công trình Điện chiếu sáng ngõ xóm giai đoạn 1+2 trị giá 6.871.982.215 đồng và hàng mua từ các đơn vị khác để xây dựng công trình chiếu sáng ngõ xóm trị giá 7.664.776.215 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	28.378.472.353	36.043.248.568
Cộng	28.378.472.353	36.043.248.568

12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	64.323.826	34.632.389
Cộng	64.323.826	34.632.389

13. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.128.707.620	6.819.496.328
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	378.825.772	335.423.684
Chi phí khấu hao TSCĐ	135.625.432	74.201.904
Thuế, phí và lệ phí	12.762.190	20.405.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	328.443.700	1.633.126.957
Các khoản chi phí QLDN khác	4.063.520.596	875.069.869
Cộng	10.047.885.310	9.757.724.104

14. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Nhận tiền hỗ trợ các hoạt động	1.964.059.250	-
Thu phí vệ sinh hộ dân	-	552.058.700
Các khoản thu khác	-	382.794.000
Cộng	1.964.059.250	934.852.700

15. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế TNDN phải nộp cho năm hiện tại	78.883.031	48.032.195
Lợi nhuận trước thuế	27.992.189	106.603.606
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	27.992.189	106.603.606
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	106.875.220	154.635.801
Thu nhập chịu thuế	20%	20%
Thuế suất thông thường		

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HƯNG YÊN

Số 12, đường Tây Thành, phường Quang Trung,
Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên,
CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

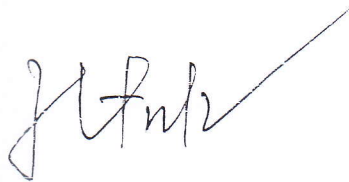
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

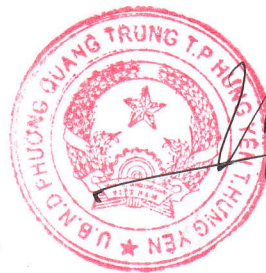


Phạm Thị Vân Anh
Kế toán trưởng

Hưng Yên, ngày 27 tháng 02 năm 2017



Trương Quốc Trân
Giám đốc



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thanh Bình

